

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TRI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46B/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Chị Đ, sinh năm 1980.

Trú tại: Số 286/GX, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt).

\*Bị đơn: Anh Th, sinh năm 1971.

Trú tại: Số 286/GX, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021 và trong quá trình tố tụng, chị Đ trình bày:*

Chị và anh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường nhậu say xỉn về đánh đập, hành hung chị. Đến năm 2014, cả hai chuyển về xã A sinh sống nhưng anh Th vẫn chứng nào tật nấy không lo chí thú làm ăn mà còn vẫn nhậu nhẹt say xỉn đánh đập chị nên cả hai đã ly thân từ 01 năm nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tr, sinh ngày 14/5/1999 (đã trưởng thành) và V, sinh ngày 29/6/2008. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cháu V, sinh ngày 29/6/2008 và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 07/6/2021 và trong quá trình tố tụng vụ án, anh Th trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày với chị Đ về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh Th thừa nhận tình cảm vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh có nhậu say về đánh vợ và hai bên đã ly thân từ 01 năm nay. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con, anh mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi con.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tr, sinh ngày 14/5/1999 (đã trưởng thành) và V, sinh ngày 29/6/2008. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ, thì cháu V muốn sống chung với ai là quyền của cháu và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt nhiều lần tại phiên tòa nhưng không có lý do. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử (HĐXX) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Đ ly hôn với anh Th. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đ được nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện

không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/11/2002, do đó, hôn nhân của chị Đ và anh Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Đ và anh Th thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh Th không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải đến nay, anh Th không có động thái hay thiện chí thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị Đ vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tr, sinh ngày 14/5/1999 (đã trưởng thành) và V, sinh ngày 29/6/2008. Chị Đ yêu cầu được nuôi cháu V (phù hợp với nguyện vọng của cháu V) và anh Th đồng ý để chị Đ nuôi con chung. Vì vậy yêu cầu của chị Đ là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Đ phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Đ ly hôn với anh Th.

2. Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tr, sinh ngày 14/5/1999 (đã trưởng thành). Chị Đ được quyền nuôi con chung V, sinh ngày 29/6/2008 và anh Th không cấp dưỡng nuôi cháu V.

Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0007603 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã L (huyện B – tỉnh Lâm Đồng);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Tùng**